

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể:

1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh: 201 TTHC;
2. Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện: 48 TTHC;
3. Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 14 TTHC.

*(Chi tiết theo các Phụ lục I, II và III đính kèm).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, HCC.

**CHỦ TỊCH**  
  
**Trần Hồng Thái**



## PHỤ LỤC I

### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)

#### I. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.004493	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (Số 36, Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt)	600.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật số 31/2018/QH14;</li><li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP;</li><li>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;</li><li>- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.</li></ul>
2	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật Mã TTHC: 1.003984	24 giờ kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật số 41/2013/QH13;</li><li>- Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;</li><li>- Thông tư số 33/2021/TT-BTC.</li></ul>
3	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón Mã TTHC: 1.007933	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật số 31/2018/QH14;</li><li>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;</li></ul>

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết luật quảng cáo
4	4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật Mã TTHC: 1.004363	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: 02 ngày làm việc</li> <li>- Thẩm định hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ</li> <li>- Thành lập đoàn đánh giá: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ</li> <li>- Đánh giá tại cơ sở: 01 ngày làm việc</li> <li>- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế (trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu)</li> <li>- Thời gian khắc phục nếu cơ sở chưa đủ điều kiện 60 ngày</li> <li>- Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở hoàn thành khắc phục: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo khắc phục hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết).</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	800.000 đồng	Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật Mã TTHC: 1.004346	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: 02 ngày làm việc</li> <li>- Thẩm định hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ</li> <li>- Thành lập đoàn đánh giá: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ</li> <li>- Đánh giá tại cơ sở: 01 ngày làm việc</li> <li>- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế (trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu)</li> <li>- Thời gian khắc phục nếu cơ sở chưa đủ điều kiện 60 ngày</li> <li>- Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở hoàn thành khắc phục: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo khắc phục hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết).</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	800.000 đồng	-Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón Mã TTHC: 1.007931	13 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 31/2018/QH14</li> <li>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón</li> <li>- Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.</li> <li>- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài Chính.</li> </ul>
7	7	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón Mã TTHC: 1.007932	13 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón (không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân). 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	200.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 31/2018/QH14;</li> <li>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 130/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 14/2018/TT-BTC;</li> </ul>

## II. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
8	1	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên. Mã TTHC: 1.012847	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.
9	2	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên. Mã TTHC: 1.012848	- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ. - Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.
10	3	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Mã TTHC: 1.012074	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
11	4	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Mã TTHC: 1.012075	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 79/2023/NĐ-CP.
12	5	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân Mã TTHC: 1.011999	02 tháng	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.
13	6	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân Mã TTHC: 1.012000	02 tháng	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.
14	7	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng Mã TTHC: 1.012001	01 tháng	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
15	8	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng Mã TTHC: 1.012002	- Quyết định cấp lại thẻ giám định viên: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do UBND tỉnh gây ra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp thẻ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.
16	9	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng Mã TTHC: 1.012003	01 tháng	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.
17	10	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng Mã TTHC: 1.012004	- Quyết định Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do UBND tỉnh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.



TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
18	11	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính. Mã TTHC: 1.008003	- Trường hợp cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về Trồng trọt; - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

### III. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
19	1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng Mã TTHC: 1.008126	a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: 25 ngày làm việc b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: 10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần - Phí thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần - Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không	Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

					đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần	
20	2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng Mã TTHC: 1.008127	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	- Phí thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần) - Phí thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần)	Nghị định số 46/2022/NĐ-CP.
21	3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn Mã TTHC: 1.008128	Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	- Phí thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần) - Phí thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.)	Nghị định số 46/2022/NĐ-CP.
22	4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn Mã TTHC: 1.008129	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	- Phí thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần) - Phí thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần)	Nghị định số 46/2022/NĐ-CP.

23	5	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật đầu tư công Mã TTHC: 1.012832	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.
24	6	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật đầu tư công Mã TTHC: 1.012833	32 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP.
25	7	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước Mã TTHC: 1.012834	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP.
26	8	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi Mã TTHC: 1.012835	- Sở Tài chính: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Kho Bạc nhà nước tỉnh Lâm Đồng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP.

## IV. LĨNH VỰC THÚ Y

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
27	1 Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật Mã TTHC: 1.011475	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).</li> <li>- Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;</li> <li>- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật;</li> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;</li> <li>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.</li> </ul>
28	2 Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y Mã TTHC: 1.001686	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;</li> <li>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;</li> </ul>

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 13/2016/TT-BNNPNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý thuốc thú y;</li> <li>- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPNT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y;</li> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC.</li> </ul>
29	3	<p>Cấp giấy chứng nhận Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh</p> <p>Mã TTHC: 2.000873</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối đa không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh.</li> <li>- Tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công bố</li> </ul>	Trạm kiểm dịch động vật đầu mối.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí kiểm dịch theo Mục III, biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC.</li> <li>- Các chi tiêu kiểm tra theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 79/2015/QH13</li> <li>- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPNT;</li> <li>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPNT;</li> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 68/2021/TT-BTC.</li> </ul>

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			dịch hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng.			
30	4	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh Mã TTHC: 1.002338	<p>- Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; + Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch. + Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT): Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</p>	Trạm kiểm dịch động vật đầu mối.	<p>- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC. - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC.</p>	<p>- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; - Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi một số điều của Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016; - Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC.</p>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý

- Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh  
+ Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch.  
+ Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
31	5 Cấp giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật Mã TTHC: 1.011478	- Trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày (không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ) - Trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày (không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có)	- Luật số 79/2015/QH13 - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT - Thông tư số 101/2020/TT-BTC. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC.
32	6 Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y Mã TTHC: 1.004022	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	900.000 đồng/ giấy	- Luật Thú y số 79/2015/QH13; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC.
33	7 Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) Mã TTHC: 1.005319	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng.	50.000 đồng/Chứng chỉ hành nghề	- Luật số 79/2015/QH13 - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Thông tư số 68/2021/TT-BTC



TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
34	8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng kí) Mã TTHC: 1.004839	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng .	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 79/2015/QH13;</li> <li>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC.</li> </ul>
35	9	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật Mã TTHC: 1.011477	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng .	Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 79/2015/QH13;</li> <li>- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC.</li> </ul>
36	10	Cấp lại giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật Mã TTHC: 1.011479	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng .	Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 79/2015/QH13;</li> <li>- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC.</li> </ul>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
37	11 Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (bao gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)  Mã TTHC: 2.001064	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp mới; - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp gia hạn.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng.	50.000 đồng/CCHN	- Luật số 79/2015/QH13; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC; - Thông tư số 68/2021/TT-BTC.

#### V. LĨNH VỰC THỦY SẢN

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
38	12 Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)  Mã TTHC: 1.004923	a) Công khai phương án: 03 ngày làm việc; b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
39	13	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền cho tổ chức cộng đồng Mã TTHC: 1.004921	a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc; b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Thủy sản; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.
40	14	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng Mã TTHC: 1.004680	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Thủy sản; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
41	15	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên Mã TTHC: 1.004656	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự xác nhận nguồn gốc: Trong thời hạn 03 ngày làm việc</li> <li>- Trình tự xác nhận mẫu vật loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được khai thác từ tự nhiên trước thời điểm quy định cấm khai thác có hiệu lực: Trong thời hạn 07 ngày làm việc</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản;</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.</li> </ul>
42	16	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) Mã TTHC: 1.004918	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp mới: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</li> <li>- Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản;</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.</li> </ul>
43	17	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) Mã TTHC: 1.004915	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp mới: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;</li> <li>- Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	5.700.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản;</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.</li> </ul>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
44	18 Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu) Mã TTHC: 1.004913	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Thủy sản; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.
45	19 Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực Mã TTHC: 1.004692	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Thủy sản; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.

#### VI. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
46	1 Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Mã TTHC: 1.009478	- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Cơ quan quản lý có thẩm quyền thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan quản lý có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	150.000 đồng	- Luật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội về Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật - Luật số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội về Chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Cơ quan quản lý có thẩm quyền có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.</p> <p>- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Cơ quan quản lý có thẩm quyền phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký công bố hợp quy để xử lý như sau: + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Cơ quan quản lý có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.</p>			<p>một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.</p> <p>- Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ.</p>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
47	2 Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Mã TTHC: 1.011647	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ phải thực hiện bổ sung, hoàn thiện: 65 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật số 31/2018/QH14; - Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

### VII. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
48	1 Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương Mã TTHC: 1.003618	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về hoạt động khuyến nông.
49	2 Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Mã TTHC: 1.003388	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
50	3 Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Mã TTHC: 1.003371	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg.

## VIII. LĨNH VỰC KIỂM LÂM

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
51	1 Quyết định giao rừng cho tổ chức Mã TTHC: 1.012688	- UBND tỉnh ban hành Quyết định giao rừng: 35 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, chính xác. - Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho tổ chức: 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định giao rừng của UBND tỉnh.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
52	2 Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức Mã TTHC: 1.012689	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.
53	3 Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý Mã TTHC: 1.012690	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.



54	4	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng Mã TTHC: 1.012691	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.
55	5	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Mã TTHC: 1.012692	- HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.
56	6	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng Mã TTHC: 1.012413	- Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh: 12 ngày làm việc. - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 20 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

57	7	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ Mã TTHC: 3.000160	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. - Nghị định 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.
58	8	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Mã TTHC: 3.000152	- HĐND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: HĐND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.
59	9	Đăng kí mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II, và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES Mã TTHC: 1.004815	- Thời gian cấp mã số: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, không quá 30 ngày. - Đối với các loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú,	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

		<p>chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở:</p> <p>+ Thời gian Cơ quan cấp mã số gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p> <p>+ Thời gian Cơ quan khoa học CITES Việt Nam trả lời bằng văn bản: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp mã số.</p> <p>- Thời gian cơ quan cấp mã số gửi thông tin về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam để đăng tải mã số đã cấp lên cổng thông tin điện tử của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp mã số cơ sở nuôi, trồng.</p>			
--	--	---	--	--	--

### IX. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
60	1 Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương Mã TTHC: 1.012921	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng.

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
61	2	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý Mã TTHC: 1.012687	55 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 91/2024/ND-CP.
62	3	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng Mã TTHC: 1.011470	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.
63	4	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp Mã TTHC: 3.000198	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống	- Luật số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 về phí và lệ phí; - Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
64	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư Mã TTHC: 1.007918	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.
65	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế Mã TTHC: 1.007917	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).</li> <li>- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).</li> </ul>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
66	7	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế Mã TTHC: 1.007916	a) Trường hợp UBND tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. b) Trường hợp UBND tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: - Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 57 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 37 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT.

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế;</p> <p>- Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 42 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.</p>			
67	8 Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý Mã TTHC: 1.000084				
68	9	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý Mã TTHC: 1.000081	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.
69	10	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của quỹ Mã TTHC: 1.000071	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.
70	11	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) Mã TTHC: 1.000058	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.



TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
71	12 Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức Mã TTHC: 1.000055	28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý rừng bền vững; - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý rừng bền vững.

#### X. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
72	1 Công nhận làng nghề truyền thống Mã TTHC: 1.003727	30 ngày làm việc kể từ ngày ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.
73	2 Công nhận nghề truyền thống Mã TTHC: 1.003712	30 ngày làm việc kể từ ngày ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP.
74	3 Công nhận làng nghề Mã TTHC: 1.003695	30 ngày làm việc kể từ ngày ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP.
75	4 Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.003397	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích, phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất tiêu và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

## XI. LĨNH VỰC ĐỀ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
76	1	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.008410	Tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến, Bộ Nông nghiệp Môi trường, Bộ Tài chính và các cơ quan, địa phương có liên quan thôn trả lời bằng văn bản gửi cơ quan chủ quản.  Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 50/2020/ND-CP, ngày 20/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.
77	2	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.008409	Tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và các cơ quan, địa phương có liên quan thôn trả lời bằng văn bản gửi cơ quan chủ quản.  Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 50/2020/ND-CP.
78	3	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Mã TTHC: 1.008408	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ thì UBND tỉnh, thành phố phê duyệt  Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Nghị định số 50/2020/ND-CP.

**XII. LĨNH VỰC THỦY LỢI**

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
79	<p>Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nô mìn và các hoạt động gây nô khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.</p> <p>Mã TTHC: 1.003870</p>	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</li> </ul>
80	<p>Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.</p> <p>Mã TTHC: 1.003880</p>	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP.</li> </ul>
81	<p>Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.</p> <p>Mã TTHC: 2.001401</p>	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP.</li> </ul>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
82	<p>Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.</p> <p>Mã TTHC: 2.001426</p>	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP.</li> </ul>
83	<p>Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.</p> <p>Mã TTHC: 2.001791</p>	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP.</li> </ul>
84	<p>Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.</p> <p>Mã TTHC: 1.004385</p>	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP.</li> </ul>
85	<p>Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện</p>	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP.</li> </ul>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh.</p> <p>Mã TTHC: 2.001793</p>				
86	<p>Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.</p> <p>Mã TTHC: 2.001795</p>	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP.</li> </ul>
87	<p>Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.</p> <p>Mã TTHC: 2.001796</p>	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP.</li> </ul>
88	<p>Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.</p> <p>Mã TTHC: 1.004427</p>	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP.</li> </ul>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
89	<p>Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.</p> <p>Mã TTHC: 1.003893</p>	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP.</li> </ul>
90	<p>Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.</p> <p>Mã TTHC: 1.003921</p>	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP.</li> </ul>
91	<p>Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý.</p> <p>Mã TTHC: 2.001804</p>	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;</li> <li>- Thông tư số 05/2018/ TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;</li> </ul>
92	<p>Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý</p> <p>Mã TTHC: 1.003867</p>	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 05/2018/ TT-BNNPTNT.</li> </ul>

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
93	15	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Mã TTHC: 1.003188	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.
94	16	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền UBND tỉnh. Mã TTHC: 1.003221	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.
95	17	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Mã TTHC: 1.003211	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.
96	18	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Mã TTHC: 1.003203	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.
97	19	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Mã TTHC: 1.003232	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

**XIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
98	1 Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến nông thủy lâm sản Mã TTHC: 2.001827	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	700.000 đồng	- Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

**XIV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
99	1 Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp Mã TTHC: 1.000025	- Thẩm định Đề án: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định Đề án hợp lệ; - Thẩm định Phương án: không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ Phương án đầy đủ, đúng quy định;	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp - Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ.



			<p>- Hoàn thiện Hồ sơ trình Phê duyệt Phương án: trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>- Phê duyệt Đề án: trong thời hạn không quá năm 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt Phương án của Thủ tướng Chính phủ.</p>			
--	--	--	---	--	--	--

### XV. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
100	1	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p> <p>Mã TTHC: 1.012752</p>	<p>- 20 ngày.</p> <p>- Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	<p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p>

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
101	2	Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Mã TTHC: 1.012757	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
102	3	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. Mã TTHC: 1.012755	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
103	4	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước. Mã TTHC: 1.012758	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
104	5	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước. Mã TTHC: 1.012759	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
105	6	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài Mã TTHC: 1.012760	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
106	7	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài Mã TTHC: 1.012761	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
107	8	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. Mã TTHC: 1.012762	- 10 ngày - Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
108	9	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. Mã TTHC: 1.012763	- 20 ngày. - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
109	10	<p>Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án.</p> <p>Mã TTHC: 1.012764</p>	<p>- 23 ngày.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày.</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	<p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.</p>
110	11	<p>Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất.</p> <p>Mã TTHC: 1.012753</p>	<p>- 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu;</p> <p>- 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu;</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	<p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.</p>

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
111	12	<p>Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.</p> <p>Mã TTHC: 1.012756</p>	<p>- 20 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	<p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.</p>
112	13	<p>Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài.</p> <p>Mã TTHC: 1.012754</p>	<p>- 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu;</p> <p>- 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	<p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.</p>

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
113	14	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. Mã TTHC: 1.012820	- 10 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
114	15	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC: 1.012766	- 03 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng . - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
115	16	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>Mã TTHC: 1.012793</p>	<p>- 10 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng</p>	<p>Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.</p>	<p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.</p>
116	17	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng</p> <p>Mã TTHC: 1.012765</p>	<p>- Thời gian thực hiện thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa hoặc trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: 10 ngày làm việc;</p> <p>- Thời gian thực hiện thủ tục cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng: 05 ngày làm việc;</p>	<p>- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng</p> <p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.</p>	<p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.</p>



		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.			
117	18	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên</p> <p>Mã TTHC: 1.012768</p>	<p>- Thời gian thực hiện thủ tục đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất: 05 ngày làm việc;</p> <p>- Thời gian thực hiện thủ tục thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề: 07 ngày làm việc;</p> <p>- Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên: 10 ngày làm việc;</p>	<p>- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng.</p> <p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	<p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.</p>

		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</li> </ul>			
118	19	<p>Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký</p> <p>Mã TTHC: 1.012769</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận: 10 ngày làm việc.</li> <li>- Thời gian thực hiện đối với trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký: 07 ngày làm việc</li> <li>- Thời gian thực hiện gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở: chưa quy định.</li> <li>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng.</li> <li>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</li> </ul>	<p>Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;</li> <li>- Luật số 43/2024/QH15;</li> <li>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.</li> </ul>

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
			vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.			
119	20	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do sự thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng: 08 ngày làm việc;</li> <li>- Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả hòa giải thành về tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai: 08 ngày làm việc;</li> <li>- Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng.</li> <li>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</li> </ul>	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;</li> <li>- Luật số 43/2024/QH15;</li> <li>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.</li> </ul>

	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
	<p>nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p> <p>Mã TTHC: 1.012772</p>	<p>sản thế chấp: 08 ngày làm việc;</p> <p>- Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm: 15 ngày làm việc;</p> <p>- Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: 10 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>			

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
120	21	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức Mã TTHC: 1.012770	- 08 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
121	22	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu Mã TTHC: 1.012794	- 05 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
122	23	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ Mã TTHC: 1.012795	- 01 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
123	24	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền Mã TTHC: 1.012815	- 10 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
124	25	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 Mã TTHC: 1.012813	Không quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
125	26	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với giấy chứng nhận đã cấp Mã TTHC: 1.012781	- Trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
			<p>Giấy chứng nhận: 10 ngày làm việc;</p> <p>- Trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm phần diện tích đất chưa được cấp Giấy chứng nhận: chưa quy định;</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>			
126	27	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận</p> <p>Mã TTHC: 1.012782</p>	<p>- Trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở: 20 ngày làm việc;</p> <p>- Trường hợp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai hoặc có giấy tờ về quyền sử dụng</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.</p>	<p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.</p>

		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			đất quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai nhưng không có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở: chưa quy định; - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.			
127	28	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất Mã TTHC: 1.012783	- Trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 10 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024: 05 ngày làm việc; - Trường hợp quy định tại điểm i khoản 10 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024: 10 ngày làm việc, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này; - Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo đạc lập	- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng. - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.



		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
			<p>bản đồ địa chính thì thời gian thực hiện theo dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>			
128	29	Tách thửa hoặc hợp thửa đất Mã TTHC: 1.012784	<p>- 15 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	<p>- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng.</p> <p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	<p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.</p>

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
129	30	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất Mã TTHC: 1.012786	- 10 ngày làm việc (không tính thời gian niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận đã cấp tại UBND cấp xã, thời gian đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng). - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng. - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
130	31	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản Mã TTHC: 1.012788	- 10 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
131	32	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp Mã TTHC: 1.012790	- 10 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng. - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
132	33	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi Mã TTHC: 1.012791	(1) Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc; (2) Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi: - Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận: 23 ngày làm việc; - Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp do đăng ký biến động thì thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định	- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng. - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
			<p>đối với từng trường hợp đăng ký biến động theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 22 của Nghị định quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>			
133	34	<p>Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất</p> <p>Mã TTHC: 1.012821</p>	<p>- 38 ngày làm việc.</p> <p>- Không quá 48 ngày làm việc đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng</p>	<p>Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.</p>	<p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.</p>

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
134	35	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đổi với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định Mã TTHC: 1.012785	- 10 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng. - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
135	36	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản Mã TTHC: 1.012787	- 10 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng. - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
136	37	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai Mã TTHC: 1.012789	- Thời hạn tiếp nhận, xử lý và thông báo: 01 ngày làm việc, Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu	- Đối với tổ chức sử dụng đất: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
			<p>thì phải nêu rõ lý do và trả lời cho tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai biết trong 02 ngày làm việc</p> <p>- Thời hạn trả kết quả:</p> <p>a) Đối với thông tin, dữ liệu có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai: 01 ngày làm việc.</p> <p>b) Đối với thông tin, dữ liệu không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai: 03 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, tổng hợp, phân tích hoặc lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày làm việc;</p> <p>c) Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai và tổ chức, cá nhân có thỏa thuận riêng về việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai thì thời</p>	<p>chính công tỉnh Lâm Đồng.</p> <p>- Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.</p>	<p>phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.</p>	

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
			gian cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai được xác định theo thỏa thuận.			
137	38	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. Mã TTHC: 1.012792	- 20 ngày - Không quá 30 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
138	39	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. Mã TTHC: 1.012802	- 20 ngày - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

		<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí/Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
139	40	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức. Mã TTHC: 1.012803	- 15 ngày đối với trường hợp phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp; - 07 ngày đối với trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích; - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tăng thêm 10 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
140	41	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh. Mã TTHC: 1.012805	- 60 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai (thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật); - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.



**XVI. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

<b>TT</b>	<b>Tên TTHC</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, Lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	
141	1	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước. Mã TTHC: 1.012500	23 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
142	2	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ. Mã TTHC: 1.012501	08 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
143	3	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch. Mã TTHC: 1.012502	14 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
144	4	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất Mã TTHC: 1.012503	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

145	5	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất. Mã TTHC: 1.012504	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	-Luật Tài nguyên nước năm 2023. -Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT.
146	6	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền Mã TTHC: 1.012505	26 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	-Luật Tài nguyên nước năm 2023; -Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
147	7	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm Mã TTHC: 1.004232	45 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	- Lưu lượng nước dưới 200m <sup>3</sup> /ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 400.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 320.000 đồng - Lưu lượng nước từ 200m <sup>3</sup> đến dưới 500m <sup>3</sup> /ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 1.100.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 880.000 đồng - Lưu lượng nước từ 500m <sup>3</sup> đến dưới 1.000m <sup>3</sup> /ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 2.600.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 2.080.000 đồng Lưu lượng nước từ 1.000m <sup>3</sup> đến dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 5.000.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 4.000.000 đồng	-Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP; -Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Lâm Đồng

148	8	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm Mã TTHC: 1.004228	38 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu lượng nước dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 200.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 160.000 đồng</li> <li>- Lưu lượng nước từ 200m<sup>3</sup> đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 550.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 440.000 đồng</li> <li>- Lưu lượng nước từ 500m<sup>3</sup> đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 1.300.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 1.040.000 đồng</li> <li>- Lưu lượng nước từ 1.000m<sup>3</sup> đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 2.500.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 2.000.000 đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>-Nghị định số 54/2024/NĐ-CP;</li> <li>-Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.</li> </ul>
149	9	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm Mã TTHC: 1.004223	45 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu lượng nước dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 400.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 320.000 đồng</li> <li>- Lưu lượng nước từ 200m<sup>3</sup> đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 1.100.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 880.000 đồng</li> <li>- Lưu lượng nước từ 500m<sup>3</sup> đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 2.600.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 2.080.000 đồng</li> <li>- Lưu lượng nước từ 1.000m<sup>3</sup> đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 5.000.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 4.000.000 đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>-Nghị định số 54/2024/NĐ-CP;</li> <li>-Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.</li> </ul>

150	10	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm Mã TTHC: 1.004211	38 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu lượng nước dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 200.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 160.000 đồng</li> <li>- Lưu lượng nước từ 200m<sup>3</sup> đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 550.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 440.000 đồng</li> <li>- Lưu lượng nước từ 500m<sup>3</sup> đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 1.300.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 1.040.000 đồng</li> <li>- Lưu lượng nước từ 1.000m<sup>3</sup> đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: + Thực hiện trực tiếp: 2.500.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 2.000.000 đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP;</li> <li>-Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.</li> </ul>
151	11	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ. Mã TTHC: 1.004122	24 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện trực tiếp: 1.400.000 đồng</li> <li>- Thực hiện trực tuyến: 1.120.000 đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP;</li> <li>-Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.</li> </ul>
152	12	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ Mã TTHC: 2.001738	17 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện trực tiếp: 700.000 đồng</li> <li>- Thực hiện trực tuyến: 560.000 đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP;</li> <li>-Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.</li> </ul>

153	13	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ Mã TTHC: 1.004253	08 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	-Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
154	14	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành Mã TTHC: 1.009669	26 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	-Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
155	15	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (cấp tỉnh) Mã TTHC: 2.001770	- 45 ngày (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước); - 38 ngày (trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	-Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
156	16	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Mã TTHC: 1.004283	21 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	-Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.

157	17	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.011516	14 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	-Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
158	18	Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024. Mã TTHC: 1.004179	45 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	- Lưu lượng nước từ 0,5m <sup>3</sup> đến dưới 1m <sup>3</sup> /giây cho sản xuất nông nghiệp; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc lưu lượng từ 3.000m <sup>3</sup> đến dưới 20.000m <sup>3</sup> /ngày đêm cho các mục đích khác: + Thực hiện trực tiếp: 4.400.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 3.520.000 đồng - Lưu lượng nước từ 1m <sup>3</sup> đến dưới m <sup>3</sup> /giây cho sản xuất nông nghiệp; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc lưu lượng từ 20.000m <sup>3</sup> đến dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm cho các mục đích khác: + Thực hiện trực tiếp: 8.400.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 6.720.000 đồng	-Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP; -Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.
159	19	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển. Mã TTHC: 1.004167	38 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	- Lưu lượng nước dưới 500m <sup>3</sup> /ngày đêm cho mục đích khác: + Thực hiện trực tiếp: 300.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 240.000 đồng - Lưu lượng nước từ 0,1m <sup>3</sup> đến dưới 0,5m <sup>3</sup> /giây cho sản xuất nông nghiệp; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc lưu lượng từ 500m <sup>3</sup> đến dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm cho các mục đích khác: + Thực hiện trực tiếp: 900.000 đồng + Thực hiện trực tuyến: 720.000 đồng	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP; -Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu lượng nước từ 0,5m<sup>3</sup> đến dưới 1m<sup>3</sup>/giờ cho sản xuất nông nghiệp; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc lưu lượng từ 3.000m<sup>3</sup> đến dưới 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm cho các mục đích khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện trực tiếp: 2.200.000 đồng</li> <li>+ Thực hiện trực tuyến: 1.760.000 đồng</li> </ul> </li> <li>- Lưu lượng nước từ 1m<sup>3</sup> đến dưới m<sup>3</sup>/giờ cho sản xuất nông nghiệp; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc lưu lượng từ 20.000m<sup>3</sup> đến dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm cho các mục đích khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện trực tiếp: 4.200.000 đồng</li> <li>- + Thực hiện trực tuyến: 3.360.000 đồng</li> </ul> </li> </ul>	
160	20	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước Mã TTHC: 1.011518	23 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.</li> </ul>
161	21	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước Mã TTHC: 1.000824	17 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thăm dò nước dưới đất; Khai thác nước dưới đất <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu lượng nước dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện trực tiếp: 120.000 đồng</li> <li>+ Thực hiện trực tuyến: 96.000 đồng</li> </ul> </li> <li>- Lưu lượng nước từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện trực tiếp: 330.000 đồng</li> <li>+ Thực hiện trực tuyến: 264.000 đồng</li> </ul> </li> <li>- Lưu lượng nước từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện trực tiếp: 780.000 đồng</li> </ul> </li> </ul> </li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện trực tuyến: 624.000 đồng</li> <li>- Lưu lượng nước từ 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm</li> <li>+ Thực hiện trực tiếp: 1.500.000 đồng</li> <li>+ Thực hiện trực tuyến: 1.200.000 đồng</li> <li>Khai thác sử dụng nước mặt</li> <li>- Lưu lượng nước dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm cho mục đích khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện trực tiếp: 180.000 đồng</li> <li>+ Thực hiện trực tuyến: 144.000 đồng</li> </ul> </li> <li>- Lưu lượng nước từ 0,1m<sup>3</sup> đến dưới 0,5m<sup>3</sup>/giây cho sản xuất nông nghiệp; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc lưu lượng từ 500m<sup>3</sup> đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm cho các mục đích khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện trực tiếp: 540.000 đồng</li> <li>+ Thực hiện trực tuyến: 432.000 đồng</li> </ul> </li> <li>- Lưu lượng nước từ 0,5m<sup>3</sup> đến dưới 1m<sup>3</sup>/giây cho sản xuất nông nghiệp; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc lưu lượng từ 3.000m<sup>3</sup> đến dưới 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm cho các mục đích khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện trực tiếp: 1.320.000 đồng</li> <li>+ Thực hiện trực tuyến: 1.056.000 đồng</li> </ul> </li> <li>- Lưu lượng nước từ 1m<sup>3</sup> đến dưới 2m<sup>3</sup>/giây cho sản xuất nông nghiệp; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc lưu lượng từ 20.000m<sup>3</sup> đến dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm mục đích cho các khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện trực tiếp: 2.520.000 đồng</li> <li>+ Thực hiện trực tuyến: 2.016.000 đồng</li> </ul> </li> </ul>	
--	--	--	--	--	--



162	22	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện Mã TTHC: 2.001850	49 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
163	23	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là UBND tỉnh) Mã TTHC: 1.001740	56 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP;

### XVII. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT KHOÁNG SẢN

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
164	1	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.005408	45 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định cho tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
					sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.	
165	2	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản Mã TTHC: 1.004481	45 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC.
166	3	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh) Mã TTHC: 2.001814	45 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC.
167	4	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.004446	- Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 55 ngày làm việc. - Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: 30 ngày làm việc. - Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: 50 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC. - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC.

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
168	5 Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.004434	28 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC.
169	6 Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.004433	28 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC.
170	7 Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (cấp tỉnh) Mã TTHC: 2.001787	75 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024, cụ thể: - Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Đến 01 tỷ đồng: 10.000.000 đồng;	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC.

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Trên 01 đến 10 tỷ đồng: 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng) đồng;</li> <li>- Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Trên 10 đến 20 tỷ đồng: 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) đồng;</li> <li>- Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): trên 20 tỷ đồng: 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) đồng.</li> </ul>	
171	8 Đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.004367	78 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thăm định đề án đóng cửa mỏ, nghiệm thu thực hiện đề án đóng cửa mỏ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</li> <li>-Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;</li> <li>-Nghị định số 10/2025/NĐ-CP;</li> <li>-Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;</li> <li>-Thông tư 19/2023/TT-BTNMT.</li> </ul>
172	9 Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp tỉnh) Mã TTHC: 2.001783	40 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Khoáng sản năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</li> <li>-Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;</li> <li>-Nghị định số 10/2025/NĐ-CP;</li> <li>-Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;</li> <li>-Thông tư 19/2023/TT-BTNMT.</li> </ul>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
173	10 Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh) Mã TTHC: 2.001781	33 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024. Mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.	-Luật Khoáng sản năm 2010; -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; -Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; -Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC.
174	11 Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.004345	40 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	-Luật Khoáng sản năm 2010; -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; -Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; -Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; -Thông tư số 10/2024/TT-BTC.
175	12 Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.004343	18 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024. Mức thu là 2.500.000 đồng/01 giấy phép	-Luật Khoáng sản năm 2010; -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; -Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; -Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; -Thông tư số 10/2024/TT-BTC.
176	13 Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh) Mã TTHC: 2.001777	21 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	-Luật Khoáng sản năm 2010; -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; -Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; -Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT.
177	14 Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.004135	35 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	-Luật Khoáng sản năm 2010; -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; -Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; -Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT.

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
178	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch Mã TTHC: 1.004132	40 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	-Luật Khoáng sản năm 2010; -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; -Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; -Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; -Thông tư số 10/2024/TT-BTC.
179	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản Mã TTHC: 1.004083	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	-Luật Khoáng sản năm 2010; -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; -Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; -Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
180	17 Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản Mã TTHC: 1.000778	75 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha): 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha: 15.000.000 đồng/01 giấy phép.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC.
181	18 Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV Mã TTHC: 1.013321	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 30 ngày làm việc  - Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng.	- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10ha và công suất khai thác dưới 100.000 m <sup>3</sup> /năm: 15.000.000 đồng. - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m <sup>3</sup> /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông	- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu quy định tại mục II.2. Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 20.000.000 đồng.</p> <p>- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu quy định tại mục II.2. Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 30.000.000 đồng.</p>	<p>một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và Môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;</li> <li>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;</li> <li>- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/2/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</li> </ul>



STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí	Căn cứ pháp lý
182	19 Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV Mã TTHC: 1.013322	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 25 ngày làm việc - Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng.	Mức thu bằng 50% mức thu lệ phí tương ứng với các mức thu cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC.
183	20 Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV Mã TTHC: 1.013323	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 25 ngày làm việc - Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản và hồ sơ điều chỉnh có trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng.	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC.

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 28 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản và hồ sơ điều chỉnh có trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt</p>			

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 16 ngày làm việc.			
184	21 Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV Mã TTHC: 1.013324	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng.	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT;</li> <li>- Thông tư số 10/2024/TT-BTC.</li> </ul>
185	22 Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản Mã TTHC: 1.013326	09 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng.	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT;</li> <li>- Thông tư số 10/2024/TT-BTC.</li> </ul>
186	23 Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV Mã TTHC: 1.013325	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng.	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024;</li> <li>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT;</li> <li>- Thông tư số 10/2024/TT-BTC.</li> </ul>

## XVIII. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
187	1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Mã TTHC: 1.010733	Không quá 50 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí, lệ phí</li> <li>- Thẩm định lần đầu: từ 5.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng</li> <li>- Thẩm định bổ sung hoặc thẩm định lại: Mức thu bằng 50% mức thu thẩm định lần đầu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</li> <li>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;</li> <li>- Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022.</li> </ul>
188	2	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) Mã TTHC: 1.010735	Không quá 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí, lệ phí</li> <li>- Thẩm định lần đầu: Từ 8.400.000 đồng đến 26.000.000 đồng</li> <li>- Thẩm định bổ sung hoặc thẩm định lại: Mức thu bằng 50% mức thu thẩm định lần đầu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;</li> <li>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT;</li> <li>- Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.</li> </ul>

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
189	3	Cấp giấy phép môi trường Mã TTHC: 1.010727	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải</li> <li>- Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp còn lại</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của HĐND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;</li> <li>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT;</li> <li>- Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.</li> </ul>
190	4	Cấp đổi giấy phép môi trường Mã TTHC: 1.010728	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở, kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;</li> <li>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.</li> </ul>
191	5	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường Mã TTHC: 1.010729	Không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của HĐND tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;</li> <li>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT;</li> <li>- Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.</li> </ul>

TT		Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
192	6	Cấp lại giấy phép môi trường Mã TTHC: 1.010730	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định của HĐND tỉnh.	-Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.
193	7	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ Mã TTHC: 1.008675	35 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Chưa quy định	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.
194	8	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học Mã TTHC: 1.008682	60 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học.
195	9	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt) (TTHC cấp tỉnh) Mã TTHC: 2.001767	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng		- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					-Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

### XIX. LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
196	1 Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn. Mã TTHC: 1.000987	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	-Luật Khí tượng thủy văn năm 2020; - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.
197	2 Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn. Mã TTHC: 1.000970	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Khí tượng thủy văn năm 2020; - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP.
198	3 Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn Mã TTHC: 1.000943	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không quy định	- Luật Khí tượng thủy văn năm 2020; - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP.

**XX. LĨNH VỰC ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ**

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
199	1 Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ Mã TTHC: 1.011671	Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	- Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí. - Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.	- Luật Đo đạc và bản đồ năm 2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
200	2 Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II Mã TTHC: 1.000049	- Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: 10 ngày làm việc - Gia hạn/ cấp lại/ cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: 03 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Chưa quy định	- Luật Đo đạc và bản đồ năm 2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP.



## XXI. LĨNH VỰC TỔNG HỢP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
201	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh) Mã TTHC: 1.004237	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.	-Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. -Nghị định 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. -Thông tư số 65/2023/TT-BTC ngày 31/10/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường



**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**  
(Kèm theo Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
<b>I</b>						
<b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>						
1	1	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện. Mã TTHC: 1.012849	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.
2	2	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện. Mã TTHC: 1.012850	- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ. - Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.
<b>II</b>						
<b>Lĩnh vực Chăn nuôi</b>						
3	1	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối	- Nộp danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo cho cơ quan	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước Mã TTHC: 1.012836	chuyên môn cấp huyện: 03tháng/lần. - Tổ chức thẩm định hồ sơ và nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo: trong thời hạn 90 ngày, tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ.			quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.
4	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo, gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước Mã TTHC: 1.012837	40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn</b>				
5	Hỗ trợ dự án liên kết Mã TTHC: 1.003434	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
<b>IV</b>						
<b>Lĩnh vực Nông nghiệp (Khuyến nông)</b>						
6	1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện) Mã TTHC: 1.003605	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.
<b>V</b>						
<b>Lĩnh vực Kiểm lâm</b>						
7	1	Phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên Mã TTHC: 1.000047	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
8	2	Xác nhận bảng kê lâm sản Mã TTHC: 1.000045	- Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Không	- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 84/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT.
9	3	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu Mã TTHC: 3.000159	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sở tại quyết định tăng thời hạn kiểm tra (khi có thông tin vi phạm): 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.				
10	4	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng Mã TTHC: 1.012695	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.
11	5	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân Mã TTHC: 1.012694	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.
<b>VI</b>						
<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>						
12	1	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng Mã TTHC: 1.012922	05 ngày làm việc	Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Không	Nghị định số 140/2024/NĐ-CP
13	2	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân Mã TTHC: 1.012531	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
14	3	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái Mã TTHC: 3.000250	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT.
15	4	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện Mã TTHC: 1.011471	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT.
16	5	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư Mã TTHC: 1.007919	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT.
<b>VII</b>						
<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>						
17	1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp Mã TTHC: 2.001627	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật số 08/2017/QH14; - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT.
18	2	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật số 08/2017/QH14; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
	thuộc thẩm quyền của UBND huyện. Mã TTHC: 1.003347					
19	3	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện. Mã TTHC: 1.003471	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật số 08/2017/QH14; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.
20	4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên). Mã TTHC: 1.003459	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật số 08/2017/QH14; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.
21	5	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên). Mã TTHC: 1.003456	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện	Chưa có quy định	- Luật số 08/2017/QH14; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.
<b>VIII</b>						
<b>Lĩnh vực Đất đai</b>						
22	1	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
	thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân. Mã TTHC: 1.012771	khẩn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.			bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.	
23	2	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân. Mã TTHC: 1.012774	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
24	3	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân. Mã TTHC: 1.012773	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
25	4	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân. Mã TTHC: 1.012775	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
26	5	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân. Mã TTHC: 1.012776	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
27	6	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân Mã TTHC: 1.012777	- 10 ngày - Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	To quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
28	7	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân Mã TTHC: 1.012778	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
29	8	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân Mã TTHC: 1.012779	- 20 ngày - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
30	9	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức	- 85 ngày - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở.</p> <p>Mã TTHC: 1.012780</p>	khẩn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
31	10 Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất Mã TTHC: 1.012814	- 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu. - 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
32	11 Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 Mã TTHC: 1.012817	- 20 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.			
33	12 Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất Mã TTHC: 1.012819	- 10 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
34	13 Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót Mã TTHC: 1.012796	- 10 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
35	14 Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	- 10 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Mã TTHC: 1.012816	khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.		hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	
36	15 Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư Mã TTHC: 1.012807	- 20 ngày - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
37	16 Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất. Mã TTHC: 1.012808	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
38	17 Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư Mã TTHC: 1.012809	- 20 ngày - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.
39	18 Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân Mã TTHC: 1.012810	- Đối với trường hợp phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp: 15 ngày - Đối với trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích: 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
40	19 Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi Mã TTHC: 1.012818	(1) Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc (2) Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi: - Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận không quá 23 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.
41	20 Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện Mã TTHC: 1.012811	- 45 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai (thời gian này không tính thời gian	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật). - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.		hướng dẫn Luật phí và lệ phí.		
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực Tài nguyên nước</b>					
42	1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất Mã TTHC: 1.001662	14 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
43	2	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện) Mã TTHC: 1.001645	42 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực Môi trường</b>				
44	1 Cấp giấy phép môi trường Mã TTHC: 1.010723	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải . - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp còn lại	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.	-Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; -Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; -Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; -Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; -Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.
45	2 Cấp đổi giấy phép môi trường Mã TTHC: 1.010724	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở, kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	-Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; -Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; -Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; -Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.
46	3 Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường Mã TTHC: 1.010725	Không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.	-Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; -Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; -Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; -Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
					-Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.	
47	4	Cấp lại giấy phép môi trường Mã TTHC: 1.010726	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp lại giấy phép môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.	-Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; -Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; -Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; -Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; -Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND.
<b>X</b>	<b>Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản</b>					
48	1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản Mã TTHC: 2.001827	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	700.000 đồng/cơ sở	- Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC. - Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.



**PHỤ LỤC III**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*(Kèm theo Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí/ Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
<b>I</b> Lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường						
1	1	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích Mã TTHC: 1.008838	03 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc hội về đa dạng sinh học - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.
<b>II</b> Lĩnh vực Nông nghiệp (Khuyến nông)						
2	1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (Cấp xã) Mã TTHC: 1.003596	60 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP
<b>III</b> Lĩnh vực Phòng chống thiên tai						
3	1	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu Mã TTHC: 2.002163	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí/ Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
4	2	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội Mã TTHC: 1.010092	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.
5	3	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội Mã TTHC: 1.010091	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định số 66/2021/NĐ-CP
6	4	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh Mã TTHC: 2.002162	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định số 02/2017/NĐ-CP
7	5	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai Mã TTHC: 2.002161	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định số 02/2017/NĐ-CP
<b>IV</b>						
<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>						
8	1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 77/2018/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí/ Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
	nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) Mã TTHC: 2.001621					
9	2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã Mã TTHC: 1.003446	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.
10	3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã Mã TTHC: 1.003440	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>					
11	01	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa Mã TTHC: 1.008004	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Đất đai</b>					
12	1	Hòa giải tranh chấp đất đai Mã TTHC: 1.012812	- 30 ngày - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí/ Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		khẩn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.		pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.		
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Môi trường</b>					
13	1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích Mã TTHC: 1.004082	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;
14	2	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường Mã TTHC: 1.010736	Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ tham vấn theo quy định. (Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn).	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.